TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 04/3/2019
V/v " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hoàng

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thái Lan

Bà Đặng Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Bà Trần Thị Thu Anh-Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 04 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2018/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về *"Ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 29/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2019/QĐ-PT ngày 20/02/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Quốc Tr, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Vợ chồng ông Nguyễn Bá Kh, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1961. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Đều có mặt.

- Chị Hà Thị Minh H, sinh năm 1985, Địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin vắng mặt.

*Người làm chứng:

- Ông Nguyễn D, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn P2, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

- Bà Phạm Thị M, sinh năm 1957. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, Phú Yên. Có mặt

Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Phạm Quốc Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện 21/11/2017,tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Quốc Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Th tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2014, có đăng ký tại UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01/2014 ngày 10/01/2014. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn đến cuối năm 2017 thì hai bên tự động ra sống riêng, nên anh Tr yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống của mỗi bên..

Về con chung: Có hai con chung Phạm Quang Th2, sinh ngày 28/01/2015 và Phạm Hưng P, sinh ngày 04/8/2016. Hiện 02 con đang sống với chị Th. Ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu Phạm Quang Th2, chị Th nuôi cháu Phạm Hưng P, không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung:

Tháng 6/2017 vợ chồng anh có mượn chị Hà Thị Minh H 1.000.000đ, nhưng sau đó anh có đưa chị Th 1.000.000đ để trả cho chị H, còn chị Th có trả hay không thì anh không biết, nên anh không đồng ý theo yêu cầu của chị H.

Năm 2017, anh có nhận trực tiếp số tiền 15.000.000đ từ ông Nguyễn D, khoản tiền này do ông Nguyễn Bá Kh và bà Nguyễn Thị Th1 gửi cho ông D về đưa lại cho chị Th, nên không liên quan gì đến anh. Do đó anh không chấp nhận trả nợ theo yêu cầu của ông Kh, bà Th1.

Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với trình bày của anh Tr và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất có hai con chung như anh Tr trình bày. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 11/2017 cho đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Tháng 6/2017, chị có mượn vợ chồng ông Kh, bà Th 15.000.000đ lo chi tiêu gia đình và 13.000.000đ để trả tiền thuê nhà, tổng cộng 28.000.000đ; Tháng 8/2017 mượn của chị Hà Thị Minh H 1.000.000đ để lo mua thuốc chữa bệnh cho con, nên hai bên cùng có trách nhiệm trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Bá Kh, bà Nguyễn Thị Thuận trình bày: Vợ chồng ông là cha mẹ đẻ của chị Th. Năm 2017, vợ chồng anh Tr, chị Th có mượn 15.000.000đ và 13.000.000đ để lo chi tiêu gia đình. Số tiền 15.000.000đ vợ chồng ông giao cho ông Nguyễn D giao lại cho anh Tr còn 13.000.000đ thì giao cho bà Phạm Thị M là mẹ anh Tr giao cho anh Tr, chị Th. Ngoài ra trong năm 2017, vợ chồng anh Tr, chị Th còn mượn 5.000.000đ để đóng học phí cho chị Th. Nay anh Tr, chị Th ly hôn,

vợ chồng ông Kh, bà Th1 yêu cầu anh Tr, chị Th cùng có trách nhiệm trả số tiền 15.000.000đ và không yêu cầu tính lãi suất. Đối với số nợ 13.000.000đ và 5.000.000đ, vợ chồng ông không yêu cầu anh Tr, chị Th trả lại.

Chị Hà Thị Minh H trình bày: Khoảng tháng 6/2017 chị có cho vợ chồng chị Th, anh Tr mượn 1.000.000đ, hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời gian trả nợ và không viết giấy nhận nợ. Nay anh Tr, chị Th ly hôn chị yêu cầu hai bên cùng có trách nhiệm trả và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 29/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện P đã quyết định:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quốc Tr.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quốc Tr được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim Th.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung tên là Phạm Quang Th2, sinh ngày 28/01/2015 và Phạm Hưng P, sinh ngày 04/8/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, hiện 02 cháu đang sống với chị Th.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Quốc Tr phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi cháu mỗi tháng theo mức cấp dưỡng 700.000đ (700.000đ/tháng x 02 cháu = 1.400.000đ/tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2017 và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng khi phát sinh một trong các trường H quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3/ Về tài sản chung: Không giải quyết.

Nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Nguyễn Bá Kh, bà Nguyễn Thị Th1. Buộc anh Phạm Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Kim Th mỗi người phải trả cho vợ chồng ông Kh, bà Thuận số tiền 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) nợ gốc về khoản vay tài sản.

Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị Minh H. Buộc anh Phạm Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Kim Th mỗi người phải trả cho chị Hà Thị Minh H số tiền 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng*) nợ gốc về khoản vay tài sản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả lãi, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/10/2018 và ngày 23/10/2018, nguyên đơn anh Phạm Quốc Tr có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về việc thay đổi người nuôi con và nợ chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn anh Phạm Quốc Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Th giữ nguyên lời trình bày.

Ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phạm Quốc Tr, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giao con Phạm Quang Thanh cho anh Tr nuôi dưỡng, giao con Phạm Hưng Phát cho chị Th nuôi dưỡng không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về con chung: Cháu Phạm Quang Th2, sinh ngày 28/01/2015 tính đến ngày xét xử phúc thẩm là 49 tháng 04 ngày; cháu Phạm Hưng P, sinh ngày 04/8/2016 tính đến ngày xét xử phúc thẩm là dưới 36 tháng tuổi. Từ khi anh Tr và chị Th ra sống riêng, chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con, đảm bảo các cháu được phát triển khỏe mạnh cả về thể chất và tinh thần. Trong khoảng thời gian này, anh Tr không thường xuyên đến thăm nom con hay chu cấp tiền cho các con. Mặt khác, chị Th có thu nhập ổn định và hiện nay hai cháu đang chung sống với chị Th, tình cảm hai con gắn bó mật thiết nhau, nên cấp sơ thẩm quyết định giao hai con cho chị Th nuôi dưỡng là có cơ sở.

[2] Về cấp dưỡng nuôi con: Thấy rằng, hiện nay anh Tr là nhân viên bảo vệ, có sức khỏe, có thu nhập, đủ khả năng cấp dưỡng và mức cấp dưỡng 700.000đ/tháng/con mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù H kể cả thời hạn cấp dưỡng.

[3] Về nợ chung:

Đối với khoản nợ 15.000.000đ của vợ chồng ông Nguyễn Bá Kh và bà Nguyễn Thị Th1, việc cho mượn chỉ thể hiện bằng miệng nhưng hai bên đều thừa nhận, anh Tr là người trực tiếp nhận tiền từ vợ chồng ông Kh thông qua ông Nguyễn D là người làm chứng, nên cấp sơ thẩm buộc hai bên có nghĩa vụ trả mỗi người ½ là có căn cứ.

Đối với khoản nợ 1.000.000đ của chị Hà Thị Minh H, xét thấy, anh Tr và chị Th đều thống nhất có mượn của chị H 1.000.000đ. Việc anh Tr cho rằng anh đã đưa chị Th 1.000.000đ để trả nợ cho chị H thì chị Th và chị H đều không thừa nhận, anh Tr không có tài liệu chứng minh, nên án sơ thẩm buộc mỗi người phải trả cho chị H 500.000đ là phù H.

[4] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật, được hướng dẫn tại Nghị quyết 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo anh Phạm Quốc Tr;

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82 ,83, 84 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 463, 466 BLDS năm 2015; Điều 144, 147, 148 BLTTDS năm 2015.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quốc Tr được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim Th.

2/ Về con chung: Giữ nguyên việc nuôi con, tiếp tục giao 02 con chung Phạm Quang Th2, sinh ngày 28/01/2015 và Phạm Hưng P, sinh ngày 04/8/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Phạm Quốc Tr phải cấp dưỡng nuôi con cho mỗi đứa là 700.000đ, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 7/2017 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường H quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3/ Về tài sản chung: Không giải quyết.

4/ Về nợ chung: Anh Phạm Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Kim Th mỗi người phải trả cho vợ chồng ông Kh, bà Th1 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) về khoản vay tài sản; Anh Phạm Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Kim Th mỗi người phải trả cho chị H 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng*) về khoản vay tài sản.

5/ Về án phí:

Anh Phạm Quốc Tr phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, 400.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Anh Tr đã nộp 600.000đ tại Biên lai thu tiền số 008001 ngày 26/5/2018 và Biên lai thu tiền số 0013174 ngày 23/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, nên còn phải nộp 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*).

Chị Nguyễn Thị Kim Th phải chịu 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho vợ chồng ông Nguyễn Bá Kh, bà Nguyễn Thị Th1 tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tiền số 008075 ngày 06/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Hoàn trả cho chị Hà Thị Minh H tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tiền số 008076 ngày 06/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường H bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện P (2);
- CCTHADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Tấn Hoàng